

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA B
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA B, TỈNH BẮC NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thiên Hà

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Hằng và ông Hoàng Đăng Đán.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28/02/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST - HNGĐ ngày 21/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Phúc L, xã Xuân L, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Phúc L, xã Xuân L, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt - bị tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Văn D vào năm 2011, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân L, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn tôi về nhà anh D chung sống một thời gian thì vợ chồng cùng nhau ra Hà Nội làm ăn. Thời gian ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh với nhau được một con chung.

Năm 2019 do vợ chồng mâu thuẫn với nhau nên tôi về quê trước, còn anh D tiếp tục ở lại Hà Nội cho đến cuối năm thì về quê. Tết năm 2020 anh D về quê nhưng do giận tôi nên không về nhà mà ở nhà chị gái ruột là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 trú tại: Thôn V, xã Xuân L, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh. Anh D ở nhà chị gái chơi một thời gian ngắn sau đó bỏ đi mà không nói với ai trong gia đình. Kể từ khi anh D bỏ đi gia đình không còn bất kỳ thông tin nào của anh D, anh D cũng không có bất kỳ liên lạc nào về với gia đình. Gia đình cũng đã thực hiện việc tìm kiếm trong thời gian dài nhưng cũng không có bất kỳ thông tin nào về việc anh D đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Đến nay anh D đã bị Toà án nhân dân huyện Gia B tuyên bố mất tích. Tôi (N) khẳng định là vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, không còn bất kỳ liên lạc gì. Do vậy về quan hệ vợ chồng tôi xác định là không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 23/6/2013. Hiện cháu Ph đang ở với tôi, sau khi ly hôn tôi đề nghị được quyền nuôi dưỡng cháu Ph. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, tôi không đề nghị Toà án giải quyết.

Ngoài ra, chị N không đề nghị hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên toà: Anh D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên không có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh D; đề nghị giải quyết về quyền nuôi con chung; cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết; tài sản chung và công nợ không đề nghị giải quyết.

Anh D vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án tới khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào các Điều Điều 28, 35, 39, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh D đã trầm trọng, trong khi anh D đã biệt tích nhiều năm dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị N được ly hôn với anh D. Do anh D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và khi giải quyết ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con nên cần giao cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Cấp dưỡng nuôi con không giải quyết về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Phúc L, xã Xuân L, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh nên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh.

[2]. Về nội dung vụ án: Chị N và anh D có đủ điều kiện kết hôn, khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp cần được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn chị N về anh D chung sống một thời gian thì vợ chồng cùng nhau ra Hà Nội làm ăn. Đến năm 2019 do vợ chồng mâu thuẫn với nhau nên chị N bỏ về quê trước, còn anh D tiếp tục ở lại Hà Nội cho đến cuối năm thì về quê. Tết năm 2020 anh D về quê nhưng do đang có mâu thuẫn với chị N nên không về nhà mà ở nhà chị gái ruột là chị Nguyễn Thị T trú tại: Thôn V Thôn, xã Xuân L, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh. Anh D ở nhà chị gái chơi một thời gian ngắn sau đó bỏ đi mà không nói với ai trong gia đình. Kể từ khi anh D bỏ đi gia đình không còn bất kỳ thông tin nào của anh D, anh D cũng không có bất kỳ liên lạc nào về với gia đình. Gia đình cũng đã thực hiện việc tìm kiếm trong thời gian dài nhưng cũng không có bất kỳ thông tin nào về việc anh D đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Chị N khẳng định là vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, không còn bất kỳ liên lạc gì. Đến nay, anh D đã bị Tòa án nhân dân huyện Gia B tuyên bố mất tích. Do vậy,

về quan hệ vợ chồng chị N xác định là không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về phía anh D do đã biệt tích nhiều năm, hiện anh D cũng đã bị Toà án tuyên bố mất tích. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa P và gia đình thì được biết tại thời điểm giải quyết ly hôn anh D vẫn chưa trở về nhà, không ai biết được anh D hiện đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Ngoài ra, Tòa án còn xác minh với người thân thích của anh D là chị Nguyễn Thị T (chị gái ruột của anh D) thì đã làm rõ được về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và công nợ của chị N và anh D là phù hợp với nội dung trình bày của chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bản thân anh D biệt tích nhiều năm nên vợ chồng không có điều kiện hạn gấn tình cảm, anh D cũng đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên đời sống chung vợ chồng là không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của các bên. Do đó, yêu cầu của chị N đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D là thỏa đáng và có căn cứ, cần được xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 23/6/2013, hiện cháu P đang ở với chị N. Do cháu P đã đủ 07 tuổi nên Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu về nguyện vọng được ở với bố hay mẹ sau khi bố mẹ ly hôn thì cháu P có nguyện vọng được ở với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N là mẹ đẻ cháu P cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P; anh D hiện đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì con chung do mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung nên yêu cầu của chị P về việc được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Cấp dưỡng nuôi con: Không ai đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

Anh D được hưởng các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ của người không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật khi anh D trở về địa P.

[4]. Đối với tài sản chung, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chi án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều Điều 28, 35, 39, 146, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

[1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

[2]. Con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 23/6/2013 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh D được hưởng các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ của người không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật khi anh D trở về địa P.

[3]. Tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

[4]. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002880 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Gia B;
- Chi cục THADS huyện Gia B;
- UBND xã Xuân L;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thạch Thiên Hà